TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/DS-PT
Ngày: 12 - 01 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11/01/2023 và 12/01/2023, tại Phòng xử án dân sự Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 422/2022/TLPT-DS ngày 11/11/2022, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 283/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H bị ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng (bị đơn) kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5827/2022/QĐ-PT ngày 22/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15926/2022/QĐ-PT ngày 14/12/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Trần Ngọc Q**, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Số 13 đường T, Phường M3, quận T, Thành phố H.

Đồng bị đơn:

1/ Ông Mai Kiều H, sinh năm 1964 (có mặt);

2/ Bà Lương Ngọc Ng, sinh năm 1976 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 579, đường H, Phường M3, Quận M, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Kim L – Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Kim L, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Ngọc Q trình bày:

Ngày 12/8/2019, ông có cho ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng vay số tiền 400.000.000 đồng, có lập giấy mượn tiền. Ngày 16/10/2019, ông H và bà Ng mượn thêm 400.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền.

Ngày 18/01/2020, ông H và bà Ng vay thêm của ông số tiền 200.000.000 đồng, có lập giấy mượn tiền. Bất kỳ thời điểm nào nếu ông có nhu cầu cần tiền thì báo trước 30 ngày thì bên vay sẽ trả. Số tiền gốc tổng cộng là 1.000.000.000 đồng. Đã nhiều lần ông yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng phải trả ngay số tiền gốc đã vay là 1.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/8/2022, bị đơn đã trả tiền lãi cho ông được là 374.000.000 đồng. Ông Q yêu cầu ông H, bà Ng phải trả số tiền lãi còn thiếu theo mức lãi suất đã thỏa thuận giữa hai bên là 3%/tháng. Tổng số tiền gốc và lãi ông yêu cầu bị đơn trả là 1.500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 31/8/2022 (bút lục 106), nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi còn lại là 173.800.000 đồng, cụ thể tiền lãi tính:

Số tiền nợ 400.0000.000 đồng ngày 12/8/2019, tiền lãi tính đến ngày 16/10/2019 (02 tháng, không tính 4 ngày lẻ), thành tiền là: 13.280.000 đồng;

Số tiền nợ 800.0000.000 đồng (gồm 400.000.000 đồng ngày 12/8/2019 và 400.000.000 đồng ngày 16/10/2019), tiền lãi tính từ ngày 16/10/2019 đến ngày 18/01/2020 (03 tháng, không tính 2 ngày lẻ), thành tiền là: 39.840.000 đồng;

Số tiền nợ 1.000.0000.000 đồng (gồm 400.000.000 đồng ngày 12/8/2019, 400.000.000 đồng ngày 16/10/2019 và 200.000.000 đồng ngày 18/01/2020), tiền lãi tính từ ngày 18/01/2020 đến ngày xét xử 12/7/2022 (29 tháng, 24 ngày), thành tiền là: 494.680.000 đồng;

Tổng số tiền lãi là 547.800.000 đồng, bị đơn đã trả được tiền lãi 374.000.000 đồng nên còn phải trả tiếp tiền lãi là 173.800.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 1.173.800.000 đồng.

2. Bị đơn ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng trình bày tại bản tự khai ngày 15/6/2022 như sau:

Ngày 12/8/2019, để giải quyết việc gia đình, ông có hỏi và được ông Trần Ngọc Q đồng ý cho vay 400.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Thỏa thuận nếu Ông Q muốn lấy lại tiền vốn thì báo trước 30 ngày. Ngày 12/9/2019, Ông Q báo cho vợ chồng ông biết để trả tiền vốn lại cho Ông Q vào tháng 10 năm 2019. Ngày 01/10/2019, vợ chồng ông đã trả tiền gốc 400.000.000 đồng và lãi tháng

10 năm 2019 cho Ông Q tại nhà của ông. Vợ chồng ông đã xé "Giấy mượn tiền" của mình trước mặt Ông Q, Ông Q hứa về nhà sẽ xé "Giấy mượn tiền" của Ông Q sau vì Ông Q quên không đem theo. Là chỗ bạn bè thân quen mấy chục năm, nên vợ chồng ông tin tưởng tuyệt đối lời hứa của Ông Q.

Ngày 16/10/2019, vợ chồng ông thỏa thuận và tiếp tục vay của Ông Q số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời gian vay là 01 tháng. Đúng hẹn ngày 16/11/2019, vợ chồng ông đã trả hết số tiền vốn 400.000.000 đồng và lãi cho Ông Q. Cả hai thống nhất không nợ gì nhau, nên ông đã tin tưởng tự hủy "Giấy mượn tiền" của mình và lần này Ông Q cũng lại quên đem giấy mượn tiền theo, nhưng Ông Q khẳng định sẽ về nhà xé giấy ngay và còn nói: "bạn bè 30 năm không lẽ tôi lừa ông hay sao" nên vợ chồng ông yên tâm.

Đến ngày 18/01/2020, ông có nhu cầu nên hỏi mượn Ông Q 200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, tiền lãi là 6.000.000 đồng/tháng. Ông đã trả lãi từ ngày 18/02/2020 đến ngày 18/5/2020. Do dịch covid – 19 gia đình ông lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả lãi, nên ông có xin Ông Q trả tiền vốn là 6.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ ngày 19/6/2020. Ông Q đồng ý và kể từ tháng 6 năm 2020 đến nay, mỗi tháng vợ chồng ông cố gắng xoay sở trả tiền vốn cho Ông Q.

Tối ngày 30 Tết năm 2022, Ông Q có đưa bà Nguyễn Thị L1 xuống nhà ông giới thiệu là chị dâu, xác định với chúng tôi: Từ nay trở đi, bà L1 sẽ thay mặt Ông Q lấy tiền nợ từ vợ chồng ông. Khi đó, vợ chồng ông cùng giàn xếp với bà L1 4 mặt một lời, xin trả tiếp tiền vối mỗi tháng 6.000.000 đồng trước sự chứng kiến của Ông Q. Tại thời điểm này, bà L1 yêu cầu chúng tôi sau Tết khoảng 01 tháng phải chuyển 20.000.000 đồng cho bà thì bà mới đồng ý cho trả vốn mỗi tháng 6.000.000 đồng.

Ngày 19/4/2022, ông bà đã chuyển khoản cho bà L1 20.000.000 đồng từ Ngân hàng S – Chi nhánh T, Phòng giao dịch L đến số tài khoản: 51H-97288 Ngân hàng A của bà Nguyễn Thị L1.

Đột nhiên ngày 20/3/2022, Ông Q gửi giấy thông báo trả nợ, buộc vợ chồng ông trong vòng 30 ngày (từ ngày 20/3/2022 đến 20/4/2022) phải trả cho Ông Q 400.000.000 đồng.

Đối với số nợ 200.000.000 đồng vay của Ông Q ngày 18/01/2020, ông bà đã trả tiền vốn thông qua ngân hàng cho Ông Q, chi tiết như sau:

- Ngày 19/6/2020, ông H chuyển tiền online từ Ngân hàng M đến tài khoản của Ông Q 20.000.000 đồng (diễn giải: CK trả Q);

- Ngày 21/7/2020, bà Ng ủy nhiệm chi từ Ngân hàng S đến tài khoản của Ông Q 30.000.000 đồng (diễn giải: H trả Q);

- Ngày 22/8/2020, bà Ng ủy nhiệm chi từ Ngân hàng S đến tài khoản của Ông Q 30.000.000 đồng (diễn giải: H trả Q);

- Ngày 31/10/2020, ông H ủy nhiệm chi từ Ngân hàng S đến tài khoản của Ông Q 6.000.000 đồng (diễn giải: H trả Q);

- Từ ngày 03/8/2021 đến 13/12/2021 (10 tháng), ông H ủy nhiệm chi từ Ngân hàng S đến tài khoản số 1606205301592 của Ông Q tại Ngân hàng A1, mỗi tháng 6.000.000 đồng. Tổng số tiền ủy nhiệm cho là 60.000.000 đồng;

- Ngày 19/4/2022, ông H chuyển tiếp cho bà L1 20.000.000 đồng đến số tài khoản 51H-97288 tại Ngân hàng A;

Tổng cộng toàn bộ số tiền vốn mà vợ chồng ông đã trả cho Ông Q từ ngày 19/6/2020 đến ngày 19/4/2022 là 166.000.000 đồng. Tiền lãi vợ chồng ông chỉ trả được 04 tháng, từ ngày 18/02/2020 đến ngày 18/5/2020, mỗi tháng trả 6.000.000 đồng và nhờ ông Võ Văn Ph, sinh năm 1991, thường trú tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh T chuyển giúp đến Ông Q, tổng số tiền là 24.000.000 đồng. Bị đơn xác nhận chỉ còn thiếu nợ Ông Q 34.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 283/2022/DS-ST ngày 31/8/2022, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng phải trả ngay số tiền còn nợ cho ông Trần Ngọc Q là 1.173.800.000 (một tỷ, một trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm nghìn) đồng. Trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và tiền nợ lãi là 173.800.000 (một trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm.

Án phí dân sự sơ thẩm: 47.214.000 (bốn mươi bảy triệu, hai trăm mười bốn nghìn) đồng, ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng phải chịu.

Ông Trần Ngọc Q thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được miễn nộp tiền án phí tòa án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự và việc thi hành án.

- Ngày 26/9/2022, ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng (bị đơn) kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Luật sư Nguyễn Kim L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng trình bày yêu cầu kháng cáo và các căn cứ kháng cáo như sau*:

Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H không thực hiện đúng thủ tục tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn, vì ông Nguyễn Tuệ V không phải là đại diện Tổ Dân phố C nơi bị đơn đang cư trú tại số 579 đường H, Phường M3, Quận M, Thành phố H. Theo

kết quả xác minh tại cấp phúc thẩm, thì ông Nguyễn Tuệ V là đại diện Tổ Dân phố M. Sau khi nhận Quyết định hoãn phiên tòa, bị đơn đã nộp đơn khiếu nại về thủ tục tống đạt, nhưng chưa được giải quyết khiếu nại nên bị đơn không đến phiên tòa ngày 31/8/2022. Ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng đã ly hôn với nhau từ tháng 04 năm 2022, nhưng cấp sơ thẩm cũng không làm rõ nội dung này trong hồ sơ vụ án. Do cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng từ Điều 170 đến Điều 181 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm không khách quan, bỏ qua các chứng cứ bị đơn cung cấp, không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nên bị đơn kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

** Ông Mai Kiều H (bị đơn) trình bày bổ sung:* Ông sinh sống tại địa chỉ 579 đường H, Phường M3, Quận M, Thành phố H thuộc Tổ Dân phố C, nhưng đại diện Tổ Dân phố M là ông Nguyễn Tuệ V ký biên bản chứng kiến việc tống đạt văn bản tố tụng là không đúng quy định. Điều này đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, nên ông kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án như Luật sư của ông đã trình bày.

** Bà Lương Ngọc Ng (bị đơn) trình bày bổ sung*: Bị đơn đã trả cho nguyên đơn hai khoản nợ của "Giấy mượn tiền" các ngày 12/8/2019 và 16/10/2019, mỗi khoản là 400.000.000 đồng. Khi trả nợ, bị đơn gọi điện mời nguyên đơn đến nhà bị đơn tại số 378/31 đường N, Phường H, quận T, Thành phố H để trả, trả bằng tiền mặt cả nợ gốc và nợ lãi (mỗi lần trả tiền lãi là 12.000.000 đồng), có mặt nguyên đơn và vợ chồng bà, không có người làm chứng, có camera quay lại nhưng căn nhà này bị đơn đã bán từ năm 2019 nên dữ liệu camera cũng không còn để cung cấp cho Tòa án. Sau khi trả, bị đơn đã xé bản chính "Giấy mượn tiền" mà bị đơn giữ, bản chính còn lại do nguyên đơn quên mang theo nên nguyên đơn hứa về sẽ hủy, không nghĩ nguyên đơn lại kiện bị đơn hai khoản nợ này.

Riêng khoản nợ 200.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" ngày 18/01/2020, bị đơn đã chuyển khoản và ủy nhiệm chi chuyển trả hết nợ vốn và nợ lãi cho nguyên đơn, nên cũng không đồng ý trả. Do bị đơn không nhận được văn bản của Tòa án, hơn nữa Thẩm phán sơ thẩm có trả lời miệng với bị đơn rằng phiên tòa ngày 31/8/2022 sẽ hoãn, bị đơn nghe như vậy nên không đến phiên tòa ngày này, nhưng Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, nên bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án này.

** Ông Trần Ngọc Q (nguyên đơn) trình bày*: Ông đã cung cấp đầy đủ các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bản chính các giấy mượn tiền chỉ lập 01 bản và do ông giữ, bị đơn không giữ nên không có sự việc bị đơn đã trả cho ông hai khoản nợ ngày 12/8/2019 và 16/10/2019 và tự hủy giấy mượn tiền họ giữ. Theo các chứng cứ chuyển tiền bị đơn cung cấp, thì bị đơn chuyển cho ông gần 200.000.000 đồng nhưng các bản sao kê tài khoản của ông tại Ngân

hàng A1 và số tiền mà ông nhận được từ bị đơn tổng cộng là 374.000.000 đồng, đây là tiền lãi của cả 03 khoản vay là 1.000.000.000 đồng.

Nay, ông không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, nếu bị đơn trả ngay cho ông tại Tòa án thì ông chỉ yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiếp tiền lãi còn thiếu. Nếu bị đơn không chấp nhận phương án nói trên, thì ông chỉ yêu cầu bị đơn trả đủ số nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và đồng ý cho bị đơn trả dần 50.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ, bắt đầu trả từ tháng 02 năm 2023; không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi còn lại.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm như sau*: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

Về nội dung: Bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn. Xét, căn cứ các văn bản xác minh tại giai đoạn phúc thẩm và lời thừa nhận của bị đơn tại phiên tòa, thì nơi cư trú của bị đơn được xác định tại số 579 đường H, Phường M3, Quận M, Thành phố H, thuộc Tổ Dân phố C. Văn phòng Thừa phát lại V tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại 03 nơi theo đúng quy định của pháp luật, nhưng đại diện Tổ Dân phố M ký chứng kiến là không phù hợp quy định tại Khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, sau khi nhận được Quyết định hoãn phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 31/8/2022 và trong suốt quá trình cấp phúc thẩm giải quyết vụ án, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả cho nguyên đơn hai khoản nợ vay theo các "Giấy mượn tiền" ngày 12/8/2019 và 16/10/2019. Như vậy, việc vi phạm thủ tục tống đạt là của Văn phòng Thừa phát lại V, nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Mặt khác, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 1.000.000.000 đồng và cho trả dần 50.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ; không yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi còn lại theo bản án sơ thẩm. Xét, sự tự nguyện của nguyên đơn phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo sự tự nguyện nói trên của nguyên đơn. Kiến nghị Văn phòng Thừa phát lại V phải thực hiện đúng các thủ tục tống đạt theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Thời hạn kháng cáo.

Ngày 31/8/2022, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H đưa vụ án ra xét xử tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số 283/2022/DS-ST. Bị đơn ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 20/9/2022, bị đơn nhận được bản án sơ thẩm. Ngày 26/9/2022, bị đơn nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của

bị đơn nộp trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hợp lệ nên chấp nhận.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cấp sơ thẩm không áp dụng các quy định về thời hiệu, là đúng quy định.

[2] Về nội dung.

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Trần Ngọc Q cung cấp, thì giữa nguyên đơn và bị đơn ông Mai Kiều H, bà Lương Ngọc Ng có quan hệ vay tài sản, nguyên đơn cho bị đơn vay tiền theo các văn bản sau đây:

- Ngày 12/8/2019, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, khi nào cần thì Ông Q thông báo trước 30 ngày thì bên vay sẽ hoàn trả. Hai bên có lập "Giấy mượn tiền", không ghi thời hạn mượn.

- Ngày 16/10/2019, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, thời hạn vay 01 tháng (đến 16/11/2019), khi nào cần thì Ông Q gọi trước 01 tuần, thông báo trước 30 ngày thì bên vay sẽ hoàn trả. Hai bên có lập "Giấy mượn tiền".

- Ngày 18/01/2020, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, khi nào cần thông báo trước 30 ngày thì bên vay sẽ hoàn trả. Hai bên có lập "Giấy mượn tiền", không ghi thời hạn mượn.

Tổng số tiền nợ gốc theo 03 giấy mượn tiền nói trên là 1.000.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng, tiền lãi hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, bị đơn chưa trả nợ gốc, có trả nợ lãi tổng cộng 374.000.000 đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 500.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi còn thiếu là 173.800.000, tổng cộng là 1.173.800.000.000 đồng.

Bị đơn xác nhận có vay nguyên đơn 03 lần tổng cộng 1.000.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng, nhưng hai lần vay đầu vào các ngày 12/8/2019 và 16/10/2019 bị đơn đã trả hết nợ cho nguyên đơn. Do tin tưởng nên bị đơn chỉ xé bản chính các giấy mượn tiền mà bị đơn giữ, còn các giấy mượn tiền do nguyên đơn giữ chưa được nguyên đơn hủy, nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn. Đối với khoản vay 200.000.000 đồng ngày 18/01/2020, bị đơn đã trả được tiền nợ gốc là 166.000.000 đồng từ ngày 19/6/2020 đến ngày 19/4/2022. Tiền lãi bị đơn chỉ trả được 04 tháng (từ ngày 18/02/2020 đến ngày 18/5/2020), mỗi tháng trả 6.000.000 đồng và nhờ ông Võ Văn Ph, sinh năm 1991, thường trú tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh T chuyển giúp đến Ông Q, tổng số tiền lãi đã trả là 24.000.000 đồng. Nay bị đơn xác nhận chỉ còn thiếu nợ Ông Q 34.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả ngay cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và nợ lãi 173.800.000 đồng. Bị đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng đã trả hết cho nguyên đơn nợ gốc và lãi của khoản vay này bằng hình thức chuyển khoản và ủy nhiệm chi theo các chứng cứ, tài liệu mà bị đơn đã cung cấp

cho Tòa án. Vì vậy, bị đơn không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

[2.2] Xét các yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.2.1] Đối với kháng cáo của bị đơn, cho rằng ngày 01/10/2019 bị đơn đã trả cho nguyên đơn số nợ vay 400.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" ngày 12/8/2019; Ngày 16/11/2019, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số nợ vay 400.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" ngày 16/10/2019, trả một lần, bằng tiền mặt, giao trực tiếp cho nguyên đơn tiền nợ gốc và nợ lãi (nợ lãi trả cho mỗi khoản vay là 12.000.000 đồng). Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được chứng cứ về việc có trả cho nguyên đơn hai khoản tiền nợ gốc và tiền lãi nói trên, việc trả nợ của bị đơn cũng không có người làm chứng.

Bị đơn cho rằng, khi trả nợ, bị đơn đã hủy các "Giấy mượn tiền" ngày 12/8/2019 và ngày 16/10/2019 mà bị đơn giữ, còn bản chính giấy mượn tiền do nguyên đơn giữ, nguyên đơn hứa sẽ hủy nhưng không hủy, nay sử dụng các giấy mượn tiền này để khởi kiện bị đơn. Tuy nhiên, theo các "Giấy mượn tiền" ngày 12/8/2019 và ngày 16/10/2019, thì không có nội dung nào ghi nhận giấy mượn tiền được lập làm 02 bản, mỗi bên giữ một bản. Ngoài ra, bị đơn xác định chỉ hủy bản chính các giấy mượn tiền ngày 12/8/2019 và ngày 16/10/2019, còn bản chính giấy mượn tiền ngày 18/01/2020 bị đơn chưa hủy, nhưng bị đơn cũng không cung cấp được bản chính giấy mượn tiền này. Phía nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm khẳng định, giấy mượn tiền các ngày nói trên chỉ lập 01 bản chính, do nguyên đơn giữ, do bị đơn chưa trả tiền nên nguyên đơn chưa hủy các bản chính giấy mượn tiền này, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Hơn nữa, lời khai của bị đơn cho rằng khoản vay 200.000.000 đồng ngày 18/01/2020, sau khi thương lượng thì nguyên đơn và bà Nguyễn Thị L1 (chị dâu nguyên đơn) đồng ý cho bị đơn sau Tết khoảng 01 tháng phải chuyển 20.000.000 đồng cho bà L1, thì bà L1 mới đồng ý cho trả vốn mỗi tháng 6.000.000 đồng. Lời khai này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận. Mặt khác, nếu có sự việc bị đơn đã trả hết cho nguyên đơn hai khoản tiền nợ theo "Giấy mượn tiền" các ngày 12/8/2019, 16/10/2019, chỉ còn lại khoản nợ 200.000.000 đồng và được trả dần 6.000.000 đồng/tháng như lời khai của bị đơn, thì bị đơn cũng không giải thích được vì sao vào các ngày 12/12/2019, 14/5/2020 bị đơn phải trả cho nguyên đơn mỗi lần 24.000.000 đồng và các ngày 18/02/2020, 20/6/2020, 21/7/2020, 22/8/2020, 24/9/2020 mỗi lần bị đơn đều chuyển trả cho nguyên đơn 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả cho nguyên đơn 400.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" ngày 12/8/2019 và 400.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" ngày 16/10/2019; Nguyên đơn không thừa nhận đã nhận hai khoản tiền này, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

Đối với khoản nợ 200.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" ngày 18/01/2020. Bị đơn cho rằng đã chuyển khoản và ủy nhiệm chi trả hết nợ cho nguyên đơn. Chứng cứ do bị đơn cung cấp là các ủy nhiệm chi của các lần trả nợ (từ bút lục 46 đến 60), theo đó số tiền bị đơn chuyển cho nguyên đơn tổng cộng là 192.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bản sao kê tài khoản của nguyên đơn tại Ngân hàng A1 và sự thừa nhận của nguyên đơn, thì tổng số tiền mà nguyên đơn đã nhận của bị đơn là 374.000.000 đồng. Sự thừa nhận của nguyên đơn phù hợp chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có lợi cho bị đơn nên ghi nhận. Bị đơn cho rằng số tiền này bị đơn trả nợ gốc, không phải trả nợ lãi nhưng nguyên đơn không thừa nhận, nguyên đơn cho rằng đây là khoản nợ lãi bị đơn trả. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung ghi trong các lần chuyển tiền, hầu hết đều ghi "trả tiền lãi". Vì vậy, số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn 374.000.000 đồng được xác định là tiền lãi.

Căn cứ lời khai của hai bên đương sự, xác định lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng là vượt quá quy định, nên cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, điều chỉnh tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) là phù hợp. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm xác định thời hạn tính lãi đến ngày Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử (12/7/2022), là chưa chính xác, mà tiền lãi phải được tính đến ngày tuyên án (ngày 31/8/2022), cụ thể tiền lãi bị đơn phải trả là:

- Khoản vay 400.000.000 đồng ngày 12/8/2019, tiền lãi được tính từ ngày 12/8/2019 đến ngày 15/10/2019 (02 tháng 06 ngày), nguyên đơn chỉ yêu cầu 02 tháng, tiền lãi là: 400.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 02 tháng = 13.280.000 đồng;

- Khoản vay 400.000.000 đồng ngày 12/8/2019, tiền lãi được tính từ ngày 12/8/2019 đến ngày 15/10/2019 (02 tháng 06 ngày), nguyên đơn chỉ yêu cầu 02 tháng, tiền lãi là: 400.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 02 tháng = 13.280.000 đồng;

- Số tiền 800.000.000 đồng (400.000.000 đồng vay ngày 12/8/2019 và 400.000.000 đồng vay ngày 16/10/2019), tiền lãi được tính từ ngày 16/10/2019 đến ngày 17/01/2020 (03 tháng 02 ngày), nguyên đơn chỉ yêu cầu 02 tháng, tiền lãi là: 800.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 03 tháng = 39.840.000 đồng;

- Số tiền 1.000.000.000 đồng (400.000.000 đồng vay ngày 12/8/2019, 400.000.000 đồng vay ngày 16/10/2019 và 200.000.000 đồng vay ngày 18/01/2020), tiền lãi được tính từ ngày 18/01/2020 đến ngày 31/8/2022 (31 tháng 14 ngày), tiền lãi là: 1.000.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 31 tháng 14 ngày = 522.366.666 đồng;

Tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả là: 575.468.666 đồng. Nguyên đơn thừa nhận đã nhận tiền lãi 374.000.000 đồng, nên bị đơn còn phải trả: 201.486.666 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 50.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi còn lại. Xét, sự nguyện của nguyên đơn phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn, nên ghi nhận.

Luật sư của bị đơn cho rằng, ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng đã ly hôn với nhau từ tháng 04 năm 2022, nhưng cấp sơ thẩm cũng không làm rõ nội dung này trong hồ sơ vụ án. Xét, việc ông H và bà Ng có ly hôn hay không cũng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ trả nợ của ông H và bà Ng đối với nguyên đơn, vì đây là khoản vay của ông H và bà Ng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa họ. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc ly hôn này.

[2.2.2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc cấp sơ thẩm không thực hiện đúng thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, trong thời gian bị đơn đang có đơn khiếu nại về thủ tục tống đạt, chưa được giải quyết khiếu nại thì Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác định: Bị đơn đã bán căn nhà số 378/31 đường N, Phường H, quận T, Thành phố H và chuyển về sinh sống tại địa chỉ số 579 đường H, Phường M3, Quận M, Thành phố H từ năm 2019 đến nay. Vì vậy, địa chỉ 579 đường H, Phường M3, Quận M, Thành phố H được xác định là nơi cư trú của bị đơn.

Căn cứ kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường M3, Quận M, Thành phố H tại các Công văn số 360/UBND ngày 13/12/2022 và số 365/UBND ngày 14/12/2022, thì: Địa chỉ số 579 đường H, Phường M3, Quận M thuộc Tổ Dân phố C. Hiện nay Tổ trưởng Tổ Dân phố C là ông Hoàng Quốc Kh và Tổ phó là ông Nguyễn Trường G. Ông Nguyễn Tuệ V, làm Tổ trưởng Tổ Dân phố M từ năm 2000 đến nay. Từ ngày 13/5/2022 đến ngày 19/7/2022, ông Nguyễn Tuệ V không phải là Tổ trưởng hay Tổ phó của Tổ Dân phố C.

Vào các ngày 13/5/2022 và 19/7/2022, Văn phòng Thừa phát lại V thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử) cho bị đơn ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng (từ bút lục 76-79, 81-84). Việc niêm yết được thực hiện tại địa chỉ: Số 579 đường H, Phường M3, Quận M, Thành phố H, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường M3, Quận M, Thành phố H và tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H; thời hạn niêm yết đúng quy định của pháp luật.

Theo "Biên bản giao giấy tờ, hồ sơ, tài liệu (Về việc không thực hiện được việc giao văn bản)" các ngày 13/5/2022 và 19/7/2022, thì ông Nguyễn Tuệ V đại diện Tổ Dân phố M ký tên chứng kiến, là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ngoài ông Nguyễn Tuệ V, thì còn có đại diện Ủy ban nhân dân Phường M3, Quận M, Thành phố H chứng kiến việc niêm yết văn bản tố tụng nói trên cho bị đơn.

Mặt khác, ngày 11/8/2022 tại địa chỉ cư trú của bị đơn, Văn phòng Thừa phát lại V tống đạt trực tiếp Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2022/HPT-DS ngày 04/8/2022, Giấy triệu tập đương sự ngày 04/8/2022, triệu tập bị đơn đúng 14 giờ 00 phút ngày 31/8/2022 có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa (bút lục số 94), nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Bị đơn cho rằng

Thẩm phán báo sẽ hoãn phiên tòa ngày 31/8/2022, nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ.

Hơn nữa, bị đơn đã tham gia tố tụng từ lúc Tòa án thụ lý vụ án, đã có bản tự khai nộp cho Tòa án ngày 15/6/2022, đã tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 09/6/2022, 16/6/2022 và 05/7/2022. Điều này chứng tỏ, bị đơn có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án để đến tòa tham gia tố tụng, bị đơn đã có thời gian để cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình, nhưng bị đơn không thực hiện. Nay bị đơn lại cho rằng ông Nguyễn Tuệ V không có thẩm quyền đại diện Tổ Dân phố ký vào biên bản không tiến hành tống đạt trực tiếp được, nên bị đơn không nhận được văn bản tố tụng, Tòa án chưa giải quyết khiếu nại của bị đơn về nội dung này, là không có căn cứ chấp nhận.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì một trong những căn cứ để Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, đó là "*có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự*". Như đã phân tích nói trên, việc ông Nguyễn Tuệ V đại diện Tổ Dân phố ký tên chứng kiến vào biên bản không tiến hành tống đạt trực tiếp được, là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, các văn bản tố tụng đã được niêm yết theo đúng quy định, việc vi phạm này cũng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, không làm thay đổi nội dung vụ án. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình như đã phân tích tại mục [2.2.1]. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Từ các phân tích nói trên, Hội đồng xét xử có căn cứ sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, mỗi tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, bắt đầu trả từ tháng 02 năm 2023, không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi còn lại. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu và đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng nói trên là đúng quy định.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, án phí là: 36.000.000 đồng + (3% x 200.000.000 đồng) = 42.000.000 đồng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án dân sự sơ thẩm, nên bị đơn không phải nộp. Hoàn trả cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng (bị đơn). Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Ngọc Q về việc chỉ yêu cầu ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, mỗi tháng trả 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng cho đến khi trả hết nợ, bắt đầu thực hiện từ tháng 02 năm 2023, không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi còn thiếu.

2. Buộc ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng phải liên đới trả cho ông Trần Ngọc Q số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, mỗi tháng trả 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, bắt đầu thực hiện từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi trả hết số tiền nói trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng phải nộp 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng không phải nộp. Hoàn trả cho ông Mai Kiều H và bà Lương Ngọc Ng số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số AA/2021/0018969 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố H.

Các đương sự thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- TAND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Ánh